TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1218/2018/QĐST-HNGĐ	*Quận 8, ngày 30 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 977/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Vũ K, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Số 1677 Đường H, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Uyên L, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Số 1677 Đường H, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều: 28, 147, 212, 213 và Khoản 3 Điều 144 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều: 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Ông Nguyễn Vũ K và bà Nguyễn Thị Uyên L (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 168, quyển số 1/2004 do Ủy ban nhân dân Phường S Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/8/2004).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Vũ K và bà Nguyễn Thị Uyên L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Nguyễn Vũ K và bà Nguyễn Thị Uyên L có 02 (Hai) con chung tên là Nguyễn Vũ Khôi N (sinh ngày 02/11/2005) và Nguyễn Ngọc Linh D (sinh ngày 22/11/2012).

Giao 02 (Hai) con chung (Nguyễn Vũ Khôi N, sinh ngày 02/11/2005 và Nguyễn Ngọc Linh D, sinh ngày 22/11/2012) cho bà Nguyễn Thị Uyên L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Vũ K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 (Hai) con chung cho bà Nguyễn Thị Uyên L mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), thực hiện cấp dưỡng nuôi con từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 (Hai) con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Vũ K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Vũ K và bà Nguyễn Thị Uyên L cùng xác nhận không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Đối với yêu cầu ly hôn: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), ông Nguyễn Vũ K tự nguyện chịu toàn bộ.

+ Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), ông Nguyễn Vũ K phải chịu.

Tổng cộng tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do ông Nguyễn Vũ K đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0018461 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Nguyễn Vũ K đã nộp đủ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con theo mức thỏa thuận như trên), cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con; hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND P.S, Q.T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Trọng Trúc